TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 31-10-2019.
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/. Ông Nguyễn Văn Lạc.

2/. Bà Đàm Thị Thanh Loan.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Minh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Ông Trương Minh Diền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2019/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 7 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lâm Thị Tr, sinh năm 1989 (Có mặt).

Địa chỉ: số 38, ấp 18, xã TL, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1986 (Có mặt).

Địa chỉ: số 38, ấp 18, xã TL, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện lập ngày 24/6/2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Lâm Thị Tr trình bày:**

Vào ngày 08/12/2018 chị và anh Nguyễn Văn D có đăng ký kết hôn với nhau và được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện N (nay là thị xã N), tỉnh Sóc Trăng. Quá trình chung sống anh, chị có con chung tên Nguyễn Trấn Kh, sinh ngày 26/10/2009, hiện nay đang sống chung với anh D. Thời gian chung sống

anh, chị không có tài sản chung, nợ chung. Quá trình chung sống anh, chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong lối sống, không hợp nhau về tính cách, hiện nay chị không còn tình cảm gì với anh D do đó chị không thể tiếp tục chung sống với anh D được nữa. Chị và anh D đã ly thân với nhau từ tháng 5/2017 đến nay, sau khi ly thân thì cuộc sống của anh, chị không ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy có cuộc sống riêng của mình. Nay chị yêu cầu:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Chị đồng ý giao con chung tên Nguyễn Trấn Kh, sinh ngày 26/10/2009 cho anh D nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: không yêu cầu giải quyết.

*** Trong quá trình tố tụng bị đơn anh Nguyễn Văn D trình bày:**

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Lâm Thị Tr về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Anh, chị không có mâu thuẫn gì lớn hết, chỉ là do vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau. Nay chị Tr yêu cầu ly hôn với anh thì anh không đồng ý ly hôn, vì anh còn thương vợ con, không muốn gia đình tan rã. Về con chung trường hợp Tòa án có giải quyết cho anh, chị ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Trấn Kh, sinh ngày 26/10/2009, anh không yêu cầu chị Tr phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lâm Thị Tr được ly hôn với anh Nguyễn Văn D, về con chung giao cháu Nguyễn Trấn Kh cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lâm Thị Tr và anh Nguyễn Văn D tự nguyện kết hôn với nhau, tại thời điểm đăng ký kết hôn chị Tr và anh D đã đủ điều kiện kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã TL, huyện N (nay là thị xã N), tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/12/2008, do vậy hôn nhân của anh, chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống đầm ấm hạnh phúc và đã có con chung với nhau. Tuy nhiên, thời gian chung sống không bao lâu thì anh, chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc chị Tr yêu cầu ly hôn với anh D. Phía chị Tr cho rằng anh, chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong lối sống, không hợp nhau về tính cách, hiện nay chị không còn tình cảm gì với anh D do đó chị không thể tiếp tục chung sống với anh D được nữa. Về phía anh D cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng không có gì lớn, chỉ là do vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, anh không đồng ý ly hôn vì vẫn còn thương vợ con và không muốn gia đình tan rã. Sau khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành động viên, hòa giải các bên khắc phục mâu thuẫn hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, nhưng chị Tr vẫn cương quyết giữ nguyên quyết định xin ly hôn và anh D cũng không có giải pháp gì khắc phục mâu thuẫn với chị Tr để vợ chồng chung sống lại với nhau.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng của chị Tr và anh D đã không còn, mâu thuẫn giữa anh, chị không thể khắc phục, cuộc sống hôn nhân của anh, chị không mang lại hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị Tr được ly hôn với anh D để tạo điều kiện cho mỗi người tạo dựng cuộc sống mới.

[2]. Về con chung:

Trong quá trình chung sống chị Lâm Thị Tr và anh Nguyễn Văn D có 01 con chung là cháu Nguyễn Trấn Kh, sinh ngày 26/10/2009, hiện nay đang sống chung với anh D. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Tr và anh D đều thống nhất giao cháu Kh cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, việc này cũng phù hợp với tờ nguyện vọng lập ngày 24/7/2019 của cháu Kh có sự chứng kiến của chị Tr, anh D thì cháu có nguyện vọng được sống chung với cha là anh D. Xét thấy, để đảm bảo cuộc sống của cháu Kh được ổn định không bị xáo trộn về mặt tâm lý cũng như điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Kh, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Kh cho anh D nuôi dưỡng đến tròn 18 (*mười tám*) tuổi theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014. Dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho chị Tr không ai được quyền ngăn cản chị thực hiện hợp pháp quyền này. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, anh Nguyễn Văn D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3]. Về phân chia tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn:

Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lâm Thị Tr phải chịu 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5]. Đề nghị của vị Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong vụ án và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* ***Tuyên xử:***

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị Tr được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trấn Kh, sinh ngày 26/10/2009 cho anh Nguyễn Văn D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tròn 18 (*mười tám*) tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không ai yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị Lâm Thị Tr, không ai được quyền ngăn cản chị thực hiện hợp pháp quyền này.

3/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lâm Thị Tr phải chịu số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị Tr đã nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0007138 ngày 03/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, chị Tr đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do

chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng NVKT-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã Tân Long, thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Anh Tuấn